

Số: 5 /TM - BVUB

Bắc Giang, ngày 06 tháng 03 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung ứng.

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Bệnh viện Ung bướu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua vật tư y tế (Đồng Sơn) với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Bà: Nguyễn Thị Trang
 - Chức vụ: Nhân viên Phòng Vật tư – TBYT.
 - Điện thoại: 0972.083.286.
 - Email: nguyentrangodm@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư – TBYT Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang, đường Thân Nhân Trung, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h00 ngày 6 tháng 03 năm 2025 đến trước 16h30p ngày 20 tháng 03 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Các đơn vị cung ứng thực hiện báo giá theo mẫu báo giá kèm theo.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 20 tháng 03 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Danh mục hóa chất xét nghiệm:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng
Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01: Bảng mô tả đính kèm theo				

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

- Vận chuyển, giao hàng tại kho Vật tư – TBYT thuộc Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang. Yêu cầu báo giá bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản và toàn bộ các loại thuế, phí liên quan.

- Hàng khi giao hàng phải còn nguyên đai, nguyên kiện, còn nguyên niêm phong của hãng sản xuất, không có hiện tượng trầy xước, vỡ, ẩm ướt...

- Mô tả cụ thể tại phụ lục 01 kèm theo.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng:

- Đồng tiền thanh toán: VNĐ

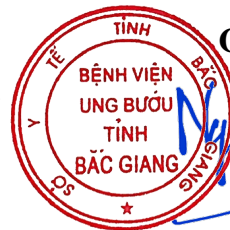
- Thanh toán: theo số lượng giao hàng thực tế hàng tháng tại Bệnh viện trong vòng 90 ngày kể từ khi giao hàng và công ty xuất trình đầy đủ các chứng từ thanh toán.

- Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

5. Các thông tin khác (nếu có): Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam chào báo giá theo mẫu báo giá kèm theo thư mời

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HSĐT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Danh Song

Phụ lục 01. BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT:

(Kèm theo thư mời số: 5 /TM - BVUB ngày 06 tháng 03 năm 2025 của Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang)

STT	Tên chung hàng hóa	Thông số Kỹ Thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	ALT/GOT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT ; dải đo: 3-500U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-Alanine 500 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH ≥ 1.8 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	Hộp	02
2	AST/GPT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST ; dải đo: 3-1000 U/L ; Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-aspartate 240 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH ≥ 0.9 kU/L; MDH ≥ 0.6 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	Hộp	02
3	Định lượng Glucose	Dải đo: 0.6-45 mmol/L; phương pháp: Hexokinase. Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,6) 24,0 mmol/L, ATP $\geq 2,0$ mmol/L, Hexokinase $\geq 0,59$ kU/L, G6P-DH $\geq 1,58$ kU/L. Hộp 4x25ml +4x12.5ml	Hộp	01
4	Định lượng Ure	Dải đo: 0.8-50 mmol/L; phương pháp: Urease/GLDH . Thành phần: NADH ≥ 0.26 mmol/L; 2-Oxoglutarate ≥ 9.8 mmol/L ;Urease ≥ 17.76 kU/L; GLDH ≥ 0.16 kU/L. Hộp 4x53ml+4x53ml	Hộp	01
5	Định lượng Creatinin	Dải đo: 5-2200 μ mol/L; phương pháp: Kinetic Jaffe, bước sóng 520/800 nM. Thành phần: Natri hydroxide 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L.	Hộp	01

STT	Tên chung hàng hóa	Thông số Kỹ Thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Hộp 4x51ml+4x51ml		
6	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Thành phần bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật. Lọ 5ml	Lọ	01
7	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Thành phần: Huyết thanh người đông khô có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp có nguồn gốc từ người và động vật. Lọ 5ml	Lọ	01
8	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Thành phần: Huyết thanh người có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp từ người, động vật và thực vật. Lọ 5ml	Lọ	01
9	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Thành phần bao gồm: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%. Can 5l	Can	01
10	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Thành phần: Huyết thanh người chứa α -1 acidglycoprotein; Ferritin; α -1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; β -2 microglobulin; Immunoglobulin A; Immunoglobulin M; Immunoglobulin G; Ceruloplasmin;C3; Prealbumin; C4;	Lọ	01

STT	Tên chung hàng hóa	Thông số Kỹ Thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Rheumatoid Facto; Transferrin. Lọ 1x2ml		
11	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Thành phần: Huyết thanh người chứa α -1 acidglycoprotein; Ferritin; α -1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; β -2 microglobulin; Immunoglobulin A; Immunoglobulin M; Immunoglobulin G; Ceruloplasmin;C3; Prealbumin; C4; Rheumatoid Facto; Transferrin. Lọ 1x2ml	Lọ	01
12	Hóa chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm miễn dịch đo độ đục	Thành phần: Huyết thanh người chứa α -1 acidglycoprotein; Ferritin; α -1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; β -2 microglobulin; Immunoglobulin A; Immunoglobulin M; Immunoglobulin G; Ceruloplasmin;C3; Prealbumin; C4; Rheumatoid Facto; Transferrin. Lọ 1x2ml	Lọ	01
13	Định lượng CRP	Dải đo: 0.2-480 mg/L; phương pháp: Immunoturbidimetric. Thành phần: Glycine buffer 100 mmol/L; Latex, phủ kháng thể kháng CRP < 0.5% w/v. Hộp 4x30ml+4x30ml	Hộp	01
14	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng D-Dimer, theo	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng D-Dimer theo phương pháp miễn dịch độ đục, loại trừ thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch	Hộp	07

STT	Tên chung hàng hóa	Thông số Kỹ Thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	phương pháp miễn dịch latex	(VTE) Ngưỡng ≥ 500 ng/ml, độ nhạy $\geq 99.9\%$, độ đặc hiệu $\geq 40\%$, độ tuyến tính $\geq 215 - 128000$ ng/ml (chế độ auto rerun). Hóa chất kèm theo chất đệm (hoặc chất pha loãng) và chất chuẩn. Dạng lỏng. Hộp 3x4 ml+ 3x6 ml +2x1 ml		
15	Cóng phản ứng dạng khối	Dạng nhựa rắn 4 móng liền khối trên một thanh. 2400 cái /hộp	Hộp	02
16	Hóa chất đo thời gian PT	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian PT, ISI $\leq 1,05$. Dạng Bột khô và chất đệm pha loãng. Hộp 5x20ml+5x20ml	Hộp	02
17	Hóa chất đo thời gian APTT	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian APTT đóng gói kèm theo Calcium Chloride. Dạng lỏng. Hộp 5x10ml+5x10ml	Hộp	02
18	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng Fibrinogen	Theo phương pháp Clauss. Dạng Bột khô. Hộp 10x2ml	Hộp	01
19	Hóa chất dung dịch dùng để xúc rửa	Thành phần 2-Methyl-4-isothiazolin-3-one hydrochloride (Methylisothiazolinone hydrochloride) $< 0.005\%$. Dạng lỏng. Can 4000ml	Can	06
20	Hóa chất dung dịch dùng để làm	Thành phần Acid clohydric 100 mmol/L. Dạng lỏng.	Lọ	01

STT	Tên chung hàng hóa	Thông số Kỹ Thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	sạch	Lọ 500ml		
21	Hóa chất dùng để pha loãng chất chuẩn máy	Dạng lỏng. Lọ 100ml	Lọ	01
22	Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch và tẩy nhiễm	Thành phần dung dịch natri hypoclorit chứa < 5% clo tồn tại. Dạng lỏng. Lọ 80ml	Lọ	01
23	Chất kiểm chứng mức bình thường	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu như PT, APTT, TT, Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C, Hepatocomplex ở dải đo bình thường. Dạng Bột khô. Hộp 10x1ml	Hộp	01
24	Chất kiểm chứng mức bất thường cao	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu như PT, APTT, Hepatocomplex ở dải đo bất thường cao. Dạng Bột khô. Hộp 10x1ml	Hộp	01
25	Chất chuẩn dùng cho các xét nghiệm	Hóa chất dùng để hiệu chuẩn cho xét nghiệm đông máu như Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C. Dạng Bột khô. Hộp 10x1ml	Hộp	01

STT	Tên chung hàng hóa	Thông số Kỹ Thuật	Đơn vị tính	Số lượng
26	Định lượng hsTnI	Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads được bao phủ bằng kháng thể đơn dòng ở chuột kháng cTnI của người được tạo huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit < 0,1% và ProClin 300 0,1% R1b: 0,1N NaOH R1c: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, protein (chuột), natri azit < 0,1% và ProClin 300 0,1%. R1d: Chất cộng hợp giữa kháng thể đơn dòng ở cừu kháng cTnI của người với phosphatase kiềm được pha loãng trong dung dịch muối đệm ACES, có chất hoạt động bề mặt, chất nền BSA, protein (bò, cừu, chuột), natri azit < 0,1% và ProClin 300 0,25%. Hộp 2x50 test	Hộp	02
27	Giếng phản ứng	Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 ml. Hộp 16x98 pcs	Hộp	01
28	Dung dịch rửa	Thành phần: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, < natri azit 0,1% và < 0,05% khối lượng phản ứng của: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-một và 2-methyl-4-isothiazolin-3-một (3:1). Hộp 4x1950ml	Can	01
29	Cơ chất phát quang	Thành phần: Dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt. Lọ 4x130ml	Lọ	01
30	Dung dịch pha loãng máu cho đếm tế bào	Thành phần: 2 -Hydroxymethyl-2-nitro-1, 3-propanediol, 0,01% Natri clorid, Sulfate, đệm Tris, muối EDTA. Thùng 18 lít	Thùng	03

STT	Tên chung hàng hóa	Thông số Kỹ Thuật	Đơn vị tính	Số lượng
31	Dung dịch ly giải màng tế bào hồng cầu cho phân tích Hemoglobin	Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương. Hộp 500 ml	Hộp	02
32	Dung dịch ly giải màng tế bào hồng cầu cho phân tích	Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích âm. Hộp: 500ml	Hộp	02
33	Dung dịch rửa đường dịch	Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether 0,05%, Ethylen glycol monophenyl ether 0,33%. Thùng 5 lít	Thùng	01
34	Dung dịch rửa đường dịch trong trường hợp đặc biệt	Thành phần: Dung dịch Natri hypoclorit. Thùng 5 lít	Thùng	01
35	Máu chuẩn MEK-5DN	Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú. lọ 3x1ml	Lọ	02
36	Dung dịch chuẩn 1	Thành phần: Triethanolamine 0,38% hoặc ít hơn; Acetic Acid 0.38% hoặc ít hơn; Paraformaldehyde 0.05% hoặc ít hơn. Túi 470 ml	Túi	03
37	Dung dịch chuẩn 2	Thành phần: Triethanolamine 0.38% hoặc ít hơn; Acetic Acid 0.38% hoặc ít hơn; Paraformaldehyde 0.05% hoặc ít hơn. Túi 140 ml	Túi	03

STT	Tên chung hàng hóa	Thông số Kỹ Thuật	Đơn vị tính	Số lượng
38	Nước rửa wash solution 25 ml	Thành phần: 1) Proteolytic enzyme 5~15% 2) Nonionic surfactant 1~10% 3) Glycolic solvent 1~10% 4) Purified Water 70~85%	Lọ	01
	Tổng số: 38 danh mục			